

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 31
8. Phụ lục 01	32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 1504/QĐ.UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3 820 943
- Fax : 0299 3 821 278

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco	Đường Đ4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp sửa chữa	Đường Đ4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp nước Trần Đề	Áp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm	Đường Mai Thanh Thế, thị trấn Ngã Năm, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Long Phú	Áp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu	Đường 30/4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi	908 ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên	141 Lê Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	Đường Phạm Văn Hùng, ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi	180 Phú Lợi, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú	Áp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị	Đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Trần Anh Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Mãi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Phan Vĩnh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2020
Ông Đặng Văn Ngọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Bà Liễu Thu Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số: 4.0259/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Quốc Ngữ****Thành viên Ban Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3089-2020-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.406.212.924	116.671.930.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.747.501.554	23.184.959.554
1. Tiền	111		10.747.501.554	13.184.959.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.000.000.000	72.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	110.000.000.000	72.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.586.725.976	10.553.357.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.235.800.127	9.549.033.060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.673.659.778	1.116.171.527
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	330.312.000	541.198.722
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(653.045.929)	(653.045.929)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.071.985.394	10.933.613.542
1. Hàng tồn kho	141	V.7	12.071.985.394	10.933.613.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.756.108.817	113.318.420.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		91.948.061.256	90.784.867.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	91.948.061.256	90.784.867.541
- Nguyên giá	222		495.835.187.384	482.313.747.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(403.887.126.128)	(391.528.879.825)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		610.722.547	10.290.157.773
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	610.722.547	10.290.157.773
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.064.000.000	12.064.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	12.064.000.000	12.064.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		133.325.014	179.394.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	133.325.014	179.394.741
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		250.162.321.741	229.990.350.531

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.478.900.033	40.884.503.422
I. Nợ ngắn hạn	310		26.631.710.663	40.089.814.052
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.931.237.562	16.285.595.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	110.239.866	463.038.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.161.277.993	5.454.900.547
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.327.474.386	11.019.370.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	7.101.102.182	6.866.530.004
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	378.674	378.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		847.189.370	794.689.370
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	847.189.370	794.689.370
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.683.421.708	189.105.847.109
I. Vốn chủ sở hữu	410		222.683.421.708	189.105.847.109
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17a	158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	64.052.091.708	30.474.517.109
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.474.517.109	(5.228.642.071)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.577.574.599	35.703.159.180
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		250.162.321.741	229.990.350.531

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.927.040.901	104.175.674.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.927.040.901	104.175.674.730
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.269.635.445	56.933.132.976
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.657.405.456	47.242.541.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.472.222.111	552.301.732
7. Chi phí tài chính	22		-	253.395.326
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	253.395.326
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	11.062.379.005	9.547.697.949
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.838.306.562	10.955.508.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.228.942.000	27.038.242.086
11. Thu nhập khác	31	VI.6	662.681.858	1.177.191.943
12. Chi phí khác	32	VI.7	145.670.514	8.367.945
13. Lợi nhuận khác	40		517.011.344	1.168.823.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.745.953.344	28.207.066.084
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.168.378.745	5.432.024.987
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.577.574.599</u>	<u>22.775.041.097</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	<u>2.117</u>	<u>1.436</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a	<u>2.117</u>	<u>1.436</u>

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		122.091.797.035	124.036.393.301
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(38.277.663.784)	(42.943.363.755)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.790.171.914)	(25.913.431.324)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(253.395.326)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(3.535.785.831)	(860.206.783)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.329.034.179	9.006.316.385
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.398.621.861)	(24.065.057.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.418.587.824	39.007.255.496
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.10	(6.312.289.907)	(7.351.713.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(110.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.456.244.083	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.856.045.824)	(7.351.713.841)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.967.904.887)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.967.904.887)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.437.458.000)	27.687.636.768
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.184.959.554	36.672.284.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.747.501.554	64.359.921.760

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng có trụ sở chính tại đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco tại địa chỉ đường D4, Khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu chỉ có chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.489.293.480	6.804.132.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.258.208.074	6.380.827.264
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	10.000.000.000
Cộng	10.747.501.554	23.184.959.554

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	110.000.000.000	110.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Cộng	110.000.000.000	110.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên tại các Ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-
Cộng	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 7 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng là công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua nước sạch	8.087.326.632	7.801.673.880
Mua điện	74.276.115	104.872.663
Bán nước đóng chai	736.363	276.937

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Phải thu khách hàng tiền nước sạch	8.959.856.619	7.734.572.217
Phải thu khách hàng tiền lắp đặt	2.003.078.008	1.643.418.843
Phải thu khách hàng tiền nước đóng chai	272.865.500	171.042.000
Cộng	<u>11.235.800.127</u>	<u>9.549.033.060</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Minh Thành Group	1.107.000.000	-
Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường	252.987.278	177.690.900
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lam Thanh	-	257.062.627
Công ty TNHH Kỹ thuật P và P	-	164.779.000
Các nhà cung cấp khác	313.672.500	516.639.000
Cộng	<u>1.673.659.778</u>	<u>1.116.171.527</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế thu nhập cá nhân phải thu của người lao động	-	-	211.289.222	-
Tạm ứng	-	-	9.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	330.312.000	-	320.909.500	-
Cộng	<u>330.312.000</u>	<u>-</u>	<u>541.198.722</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến dưới 3 năm	71.659.800	21.497.940	Từ 2 đến dưới 3 năm	71.659.800	21.497.940
	Trên 3 năm	9.704.000	-	Trên 3 năm	9.704.000	-
Ban Quản lý Dự án khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Kế Sách - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	8.463.000	-	Trên 3 năm	8.463.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	102.572.474	-	Trên 3 năm	102.572.474	-
Công ty Cổ Phần Hà Đô 1 - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	51.619.500	25.809.750	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	51.619.500	25.809.750
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	332.952.200	99.885.660	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	332.952.200	99.885.660
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	94.239.500	28.271.850	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	94.239.500	28.271.850
	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	314.596.366	157.295.711	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	314.596.366	157.295.711
Phải thu các khách hàng khác						
Cộng		985.806.840	332.760.911		985.806.840	332.760.911

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	653.045.929	2.419.409.459
Số cuối kỳ	653.045.929	2.419.409.459

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.909.940.714	-	10.779.934.530	-
Công cụ, dụng cụ	144.605.390	-	135.458.769	-
Thành phẩm	17.439.290	-	18.220.243	-
Cộng	12.071.985.394	-	10.933.613.542	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	133.325.014	179.394.741
Cộng	133.325.014	179.394.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định trong kỳ xem tại phụ lục 01 đính kèm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	150.782.824	(150.782.824)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	10.290.157.773	3.656.025.518	(13.370.657.194)	575.526.097
- Công trình mở rộng tuyến ống đường đi Trinh Phú, ấp Chốt Dung, xã Kế An, huyện Kế Sách	1.984.513.682	-	(1.984.513.682)	-
- Công trình tuyến ống truyền tải Kế Sách - Kế Thành, huyện Kế Sách	5.328.168.351	-	(5.328.168.351)	-
- Các công trình khác	2.977.475.740	3.656.025.518	(6.057.975.161)	575.526.097
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	35.196.450	-	35.196.450
Cộng	10.290.157.773	3.842.004.792	(13.521.440.018)	610.722.547

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.342.519.827	1.425.710.574
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng	1.302.713.907	1.385.904.654
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	39.805.920	39.805.920
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.588.717.735	14.859.885.026
Công ty TNHH Hoá nhựa Đệ Nhất	7.335.900	1.429.095.420
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	3.883.960.429	3.883.960.429
Các nhà cung cấp khác	4.697.421.406	9.546.829.177
Cộng	9.931.237.562	16.285.595.600

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dầu khí Cửu Long	50.097.366	28.646.347
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hồng Phát	56.845.000	56.845.000
Công ty TNHH Xây dựng Minh Châu	-	330.000.000
Các khách hàng khác	3.297.500	47.547.358
Cộng	110.239.866	463.038.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	79.924.955	2.905.004.074	(2.593.197.093)	391.731.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.535.785.831	4.168.378.745	(3.535.785.831)	4.168.378.745
Thuế thu nhập cá nhân	214.873.996	379.093.973	(588.943.195)	5.024.774
Thuế tài nguyên	863.027.538	4.867.161.958	(4.914.411.701)	815.777.795
Phí bảo vệ môi trường	761.288.227	4.939.764.080	(4.920.687.564)	780.364.743
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.000.000	(18.000.000)	-
Cộng	5.454.900.547	17.277.402.830	(16.571.025.384)	6.161.277.993

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nước sinh hoạt	5%
Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã sửa đổi Khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.745.953.344	28.207.066.084
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	538.822.064	321.431.993
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.284.775.408	28.528.498.077
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(1.368.373.145)
Thu nhập tính thuế	38.284.775.408	27.160.124.932
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	7.656.955.081	5.432.024.987
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(3.488.576.336)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.168.378.745	5.432.024.987

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm và nước mặt dựa vào sản lượng nước khai thác hàng tháng với mức thuế suất lần lượt là 5% và 1%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	3.327.474.386	5.818.309.156
Quỹ dự phòng tiền lương	-	5.201.061.366
Cộng	3.327.474.386	11.019.370.522

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	29.818.796	3.474.997
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	167.262.541	-
Tiền quỹ bảo vệ và phát triển rừng	587.583.152	545.847.640
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Thu hộ phí bảo vệ môi trường	793.438.266	794.233.440
Tiền viện trợ từ dự án biến đổi khí hậu của Công ty Cổ phần Hà Lan	1.868.640.230	1.868.640.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.654.359.197	3.654.333.697
Cộng	7.101.102.182	6.866.530.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ phúc lợi	378.674	378.674
Cộng	378.674	378.674

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	158.631.330.000	(5.228.642.071)	153.402.687.929
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	22.775.041.097	22.775.041.097
Số dư cuối kỳ trước	158.631.330.000	17.546.399.026	176.177.729.026
Số dư đầu năm nay	158.631.330.000	30.474.517.109	189.105.847.109
Lợi nhuận trong kỳ này	-	33.577.574.599	33.577.574.599
Số dư cuối kỳ này	158.631.330.000	64.052.091.708	222.683.421.708

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	77.729.350.000
Công ty Cổ phần Hawaco	63.452.530.000	63.452.530.000
Các cổ đông khác	17.449.450.000	17.449.450.000
Cộng	158.631.330.000	158.631.330.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	49,0	77.729.350.000	-
Công ty Cổ phần Hawaco	63.452.530.000	40,0	63.452.530.000	-
Các cổ đông khác	17.449.450.000	11,0	17.449.450.000	-
Cộng	158.631.330.000	100	158.631.330.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.863.133	15.863.133
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Phải thu khách hàng - tiền lắp đặt	1.123.982.274	1.123.982.274	Không có khả năng thu hồi
Cộng	1.123.982.274	1.123.982.274	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	103.190.189.046	101.172.399.811
Doanh thu lắp đặt	1.877.080.217	1.078.763.786
Doanh thu nước đóng chai	1.855.010.456	1.918.955.577
Doanh thu khác	4.761.182	5.555.556
Cộng	106.927.040.901	104.175.674.730

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết (cùng kỳ năm trước chỉ có phát sinh giao dịch bán nước đóng chai với Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng là 3.868.018 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp	48.282.175.567	54.380.064.045
Giá vốn lắp đặt - bảo dưỡng	671.574.293	1.099.382.680
Giá vốn nước đóng chai	1.315.885.585	1.453.686.251
Cộng	50.269.635.445	56.933.132.976

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.978.028	5.340.007
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.456.244.083	546.961.725
Cộng	2.472.222.111	552.301.732

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.325.933.255	4.488.210.228
Chi phí vật liệu, bao bì	4.606.748.961	4.640.014.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.382.895	15.642.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	122.874.900
Các chi phí khác	2.035.313.894	280.955.387
Cộng	11.062.379.005	9.547.697.949

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.002.443.275	7.127.039.447
Chi phí vật liệu quản lý	1.183.753.709	1.072.957.917
Chi phí đồ dùng văn phòng	221.595.733	158.215.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	753.829.350	1.000.358.565
Thuế, phí và lệ phí	28.594.203	44.104.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.935.313	121.643.504
Các chi phí khác	1.538.154.979	1.431.188.829
Cộng	10.838.306.562	10.955.508.125

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền công cốc, mở nước	82.654.015	83.027.000
Hoa hồng thu hộ phí thoát nước	548.862.675	549.747.878
Các khoản thu nhập khác	31.165.168	544.417.065
Cộng	662.681.858	1.177.191.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp do nhận ký quỹ không đúng quy định	144.473.753	-
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	1.196.761	8.367.945
Cộng	145.670.514	8.367.945

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.577.574.599	22.775.041.097
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	33.577.574.599	22.775.041.097
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.863.133	15.863.133
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.117	1.436

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.568.886.811	26.658.340.429
Chi phí nhân công	20.340.750.156	21.179.874.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.358.246.303	17.809.549.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.047.934.056	2.908.756.607
Chi phí khác	9.854.503.686	8.879.818.076
Cộng	72.170.321.012	77.436.339.050

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này			
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	304.906.000	145.679.238	450.585.238
Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	297.180.000	138.011.910	435.191.910
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	138.011.910	387.763.110
Ông Nguyễn Quang Mãi - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	138.011.910	387.763.110
Ông Ong Hải Phước - Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	-	249.751.200
Ông Phan Vĩnh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	138.011.910	138.011.910
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	190.163.221	190.163.221
Bà Liễu Thu Trúc – Thành viên Ban Kiểm soát	-	95.081.611	95.081.611
Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Ban kiểm soát	-	84.118.607	84.118.607
Cộng	1.351.339.600	1.067.090.317	2.418.429.917

Kỳ trước

Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	307.906.000	161.069.133	468.975.133
Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	300.180.000	154.492.496	454.672.496
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	252.351.200	154.027.063	406.378.263
Ông Nguyễn Quang Mãi - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	252.351.200	154.027.063	406.378.263
Ông Ong Hải Phước - Phó Tổng Giám đốc	252.351.200	-	252.351.200
Ông Phan Vĩnh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	154.027.063	154.027.063
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	216.410.705	216.410.705
Bà Liễu Thu Trúc – Thành viên Ban Kiểm soát	-	108.205.352	108.205.352

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Thân Hương Lan - Thành viên Ban kiểm soát	-	98.205.352	98.205.352
Cộng	1.365.139.600	1.200.464.227	2.565.603.827

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hawaco	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của lĩnh vực này được trình bày tại VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

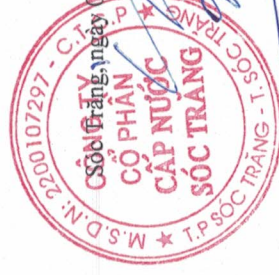
Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Số đầu năm	107.417.355.844	73.161.254.450	299.067.491.764	1.985.421.047	682.224.261	482.313.747.366
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.299.654.670	150.782.824	9.071.002.524	-	-	13.521.440.018
Số cuối kỳ	111.717.010.514	73.312.037.274	308.138.494.288	1.985.421.047	682.224.261	495.835.187.384
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	78.739.675.120	29.522.228.704	152.225.701.319	1.454.840.138	682.224.261	262.624.669.542
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	96.756.274.073	54.765.767.266	237.642.512.862	1.682.101.363	682.224.261	391.528.879.825
Khấu hao trong kỳ	1.551.492.038	2.796.577.487	7.973.669.424	36.507.354	-	12.358.246.303
Số cuối kỳ	98.307.766.111	57.562.344.753	245.616.182.286	1.718.608.717	682.224.261	403.887.126.128
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.661.081.771	18.395.487.184	61.424.978.902	303.319.684	-	90.784.867.541
Số cuối kỳ	13.409.244.403	15.749.692.521	62.522.312.002	266.812.330	-	91.948.061.256
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

